

Số: 1883/BTS-QLDA

Ninh Bình, ngày 23 tháng 9 năm 2026

## THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn xin gửi tới Quý Công ty lời chào trân trọng.

Hiện nay, Công ty CP Xi măng VICEM Bút Sơn đang có nhu cầu thực hiện gói thầu “Sửa chữa, cải tạo các công trình vệ sinh trong công ty”. Kính mời Quý nhà cung cấp tham gia chào giá gói mua sắm dịch vụ phi tư vấn “Sửa chữa, cải tạo các công trình vệ sinh trong công ty” theo các yêu cầu sau đây:

### 1. Yêu cầu về phạm vi cung cấp:

- Phạm vi công việc: Sửa chữa, cải tạo các công trình nhà tắm và nhà vệ sinh tại Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn.

- Khối lượng công việc:

| STT                      | Tên công việc                                                           | Đơn vị | Khối lượng | Ghi chú |
|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------|------------|---------|
| <b>I. NHÀ HÀNH CHÍNH</b> |                                                                         |        |            |         |
| 1                        | Tháo dỡ vách ngăn văn sàn                                               | m2     | 100,5510   |         |
| 2                        | Tháo dỡ chậu rửa                                                        | bộ     | 20,0000    |         |
| 3                        | Tháo dỡ bệ xí                                                           | bộ     | 38,0000    |         |
| 4                        | Tháo dỡ chậu tiểu nam                                                   | bộ     | 20,0000    |         |
| 5                        | Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác                                           | bộ     | 78,0000    |         |
| 6                        | Tháo dỡ cửa bằng thủ công                                               | m2     | 114,1088   |         |
| 7                        | Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gốm các loại                              | m2     | 114,1088   |         |
| 8                        | Phá dỡ nền - Nền láng vữa xi măng                                       | m2     | 114,1088   |         |
| 9                        | Phá lớp gạch ốp tường, vữa trát tường, cột, trụ                         | m2     | 225,2600   |         |
| 10                       | Phá dỡ tường hộp kỹ thuật                                               | m3     | 3,7200     |         |
| 11                       | Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại                                    | m3     | 34,4259    |         |
| 12                       | Chống thấm sàn SIKA hai thành phần chuyên dụng cho nhà vệ sinh          | m2     | 151,8112   |         |
| 13                       | Chống thấm cổ ống bằng vữa không co ngót                                | Cái    | 20,0000    |         |
| 14                       | Xây tường gạch bê tông 10x19x39cm; Chiều dày 10cm, vữa XM M75, XM PCB30 | m3     | 3,7200     |         |
| 15                       | Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa XM M75, XM PCB30              | m2     | 37,2000    |         |
| 16                       | Láng nền, sàn có đánh máu, chiều dày 2cm, vữa XM M75, XM PCB30          | m2     | 114,1088   |         |
| 17                       | Lát nền, sàn-Tiết diện gạch $\leq 0,36m^2$ , vữa XM M75, XM PCB40       | m2     | 114,1088   |         |

| STT | Tên công việc                                                                            | Đơn vị | Khối lượng | Ghi chú          |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|------------------|
| 18  | Ôp tường trụ, cột - Tiết diện gạch $\leq 0,16m^2$ , vữa XM M75, PCB30                    | m2     | 225,2600   |                  |
| 19  | Thi công trần phẳng bằng tấm thạch cao                                                   | m2     | 114,1088   |                  |
| 20  | Lắp đặt xí bệt TOTO C5326DE2                                                             | bộ     | 38,0000    | Hoặc tương đương |
| 21  | Lắp đặt chậu tiểu nam TOTO đặt sàn kèm van cảm ứng                                       | bộ     | 20,0000    | Hoặc tương đương |
| 22  | Lắp đặt chậu rửa 1 vòi TOTO đặt bàn                                                      | bộ     | 20,0000    | Hoặc tương đương |
| 23  | Lắp đặt gương phòng tắm                                                                  | cái    | 20,0000    | Hoặc tương đương |
| 24  | Lắp đặt vòi rửa 1 vòi TOTO                                                               | bộ     | 20,0000    | Hoặc tương đương |
| 25  | Lắp đặt vòi rửa vệ sinh                                                                  | cái    | 38,0000    |                  |
| 26  | Lát đá mặt bể các loại, vữa XM M75, XM PCB40                                             | m2     | 21,6000    |                  |
| 27  | Lắp đặt phễu thu Lavabo - Đường kính 100mm                                               | cái    | 22,0000    |                  |
| 28  | Lắp đặt vách ngăn vệ sinh COMPACT HPL (VD)                                               | m2     | 100,5510   |                  |
| 29  | Hút bể phốt, dọn dẹp vệ sinh bể hiện trạng                                               | Bể     | 2,0000     |                  |
| 30  | Lắp đặt ống nhựa PPR đường kính 25mm bằng phương pháp hàn, chiều dày 2,8mm               | 100m   | 1,0400     |                  |
| 31  | Lắp đặt ống nhựa PPR đường kính 40mm bằng phương pháp hàn, chiều dày 3,7mm               | 100m   | 1,1000     |                  |
| 32  | Lắp đặt côn nhựa PPR đường kính 40/25mm, chiều dày 2,8mm bằng phương pháp hàn            | cái    | 21,0000    |                  |
| 33  | Lắp đặt tê PPR đường kính 40mm, chiều dày 3,7mm bằng phương pháp hàn                     | cái    | 21,0000    |                  |
| 34  | Lắp đặt tê nhựa PPR đường kính 25mm, chiều dày 2,8mm bằng phương pháp hàn                | cái    | 60,0000    |                  |
| 35  | Măng sông mỗi nối D25                                                                    | Cái    | 160,0000   |                  |
| 36  | Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 40mm  | 100m   | 0,8000     |                  |
| 37  | Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 89mm  | 100m   | 1,6000     |                  |
| 38  | Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 110mm | 100m   | 0,5000     |                  |
| 39  | Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 42mm                        | cái    | 50,0000    |                  |
| 40  | Lắp đặt tê nhựa PVC - Đường kính 90mm (NC,M)x1.5                                         | cái    | 60,0000    |                  |
| 41  | Lắp đặt tê nhựa PVC - Đường kính 110mm (NC,M)x1.5                                        | cái    | 30,0000    |                  |
| 42  | Lắp đặt cút nhựa PVC - Đường kính 90mm                                                   | cái    | 30,0000    |                  |
| 43  | Lắp đặt cút nhựa PVC - Đường kính 110mm                                                  | cái    | 30,0000    |                  |

| STT                                | Tên công việc                                                                                          | Đơn vị | Khối lượng | Ghi chú          |
|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|------------------|
| 44                                 | Lắp đặt côn nhựa PVC - Đường kính 90/42mm                                                              | cái    | 35,0000    |                  |
| 45                                 | Lắp đặt côn nhựa PVC - Đường kính 110/42mm                                                             | cái    | 35,0000    |                  |
| 46                                 | Mua vật liệu là con thỏ D90                                                                            | cái    | 3,0000     |                  |
| 47                                 | Mua đai Inox D90                                                                                       | cái    | 20,0000    |                  |
| 48                                 | Mua keo gắn ống                                                                                        | hộp    | 50,0000    |                  |
| <b>II. NHÀ ĐIỀU HÀNH TRUNG TÂM</b> |                                                                                                        |        |            |                  |
| 49                                 | Tháo dỡ vách ngăn tường gỗ                                                                             | m2     | 65,7860    |                  |
| 50                                 | Tháo dỡ chậu rửa                                                                                       | bộ     | 8,0000     |                  |
| 51                                 | Tháo dỡ bệ xí                                                                                          | bộ     | 11,0000    |                  |
| 52                                 | Tháo dỡ chậu tiểu                                                                                      | bộ     | 10,0000    |                  |
| 53                                 | Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác                                                                          | bộ     | 30,0000    |                  |
| 54                                 | Tháo dỡ trần, thủ công                                                                                 | m2     | 67,7628    |                  |
| 55                                 | Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gốm các loại                                                             | m2     | 67,7628    |                  |
| 56                                 | Phá dỡ nền - Nền láng vữa xi măng                                                                      | m2     | 67,7628    |                  |
| 57                                 | Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ                                                                       | m2     | 244,8800   |                  |
| 58                                 | Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 22$ cm                                                           | m3     | 1,1440     |                  |
| 59                                 | Bốc xếp và vận chuyển lên cao vận chuyển các loại phế thải từ trên cao xuống                           | m3     | 5,2202     |                  |
| 60                                 | Chống thấm sàn SIKA hai thành phần chuyên dụng cho nhà vệ sinh                                         | m2     | 154,0600   |                  |
| 61                                 | Chống thấm hộp kỹ thuật bằng vữa sika                                                                  | Cái    | 2,0000     |                  |
| 62                                 | Xây tường gạch bê tông 10x19x39cm - Chiều dày 10cm, vữa XM M75, XM PCB30                               | m3     | 11,0644    |                  |
| 63                                 | Láng nền, sàn có đánh màu, chiều dày 2cm, vữa XM M75, XM PCB30                                         | m2     | 67,7628    |                  |
| 64                                 | Lát nền, sàn - Tiết diện gạch $\leq 0,36$ m <sup>2</sup> , vữa XM M75, XM PCB30                        | m2     | 67,7628    |                  |
| 65                                 | Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,16$ m <sup>2</sup> , vữa XM M75, XM PCB40 | m2     | 244,8800   |                  |
| 66                                 | Thi công trần phẳng bằng tấm nhựa                                                                      | m2     | 114,1088   |                  |
| 67                                 | Lắp đặt vách ngăn vệ sinh COMPACT HPL                                                                  | m2     | 100,5510   |                  |
| 68                                 | Lắp đặt xí bệt INAX màu trắng                                                                          | bộ     | 38,0000    | Hoặc tương đương |
| 69                                 | Lắp đặt chậu tiểu nam INAX màu trắng                                                                   | bộ     | 10,0000    | Hoặc tương đương |
| 70                                 | Lắp đặt chậu rửa 1 vòi INAX                                                                            | bộ     | 8,0000     | Hoặc tương đương |
| 71                                 | Lắp đặt gương phòng tắm tráng bạc INAX                                                                 | cái    | 4,0000     | Hoặc tương đương |
| 72                                 | Lắp đặt vòi rửa 1 vòi INAX                                                                             | bộ     | 8,0000     | Hoặc tương đương |
| 73                                 | Lắp đặt vòi rửa vệ sinh                                                                                | cái    | 11,0000    |                  |
| 74                                 | Lắp đặt Sen tắm nóng lạnh INAX (sen + vòi)                                                             | bộ     | 4,0000     | Hoặc tương đương |
| 75                                 | Lát đá mặt bệ kim sa đen, vữa XM M75, XM PCB30                                                         | m2     | 3,1200     |                  |

| STT | Tên công việc                                                                            | Đơn vị | Khối lượng | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|---------|
| 76  | Lắp đặt phễu thu Lavabo - Đường kính 100mm                                               | cái    | 8,0000     |         |
| 77  | Lắp đặt ống nhựa PPR đường kính 25mm bằng phương pháp hàn, chiều dày 2,8mm               | 100m   | 0,2400     |         |
| 78  | Lắp đặt ống nhựa PPR đường kính 40mm bằng phương pháp hàn, chiều dày 3,7mm               | 100m   | 0,4500     |         |
| 79  | Lắp đặt tê nhựa PPR đường kính 25mm, chiều dày 2,8mm bằng phương pháp hàn                | cái    | 12,0000    |         |
| 80  | Lắp đặt côn nhựa PPR đường kính 40mm, chiều dày 3,7mm bằng phương pháp hàn               | cái    | 10,0000    |         |
| 81  | Lắp đặt góc nhựa PPR đường kính 25mm, chiều dày 2,8mm bằng phương pháp hàn               | cái    | 30,0000    |         |
| 82  | vật tư phụ                                                                               |        |            |         |
| 83  | Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 40mm  | 100m   | 0,4000     |         |
| 84  | Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 90mm  | 100m   | 0,6000     |         |
| 85  | Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 110mm | 100m   | 0,4000     |         |
| 86  | Lắp đặt cút nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 40mm                        | cái    | 10,0000    |         |
| 87  | Lắp đặt tê nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 89mm                         | cái    | 10,0000    |         |
| 88  | Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 100mm                       | cái    | 8,0000     |         |
| 89  | Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 90mm                        | cái    | 20,0000    |         |
| 90  | Lắp đặt tê nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 110mm                        | cái    | 5,0000     |         |
| 91  | Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 90mm                        | cái    | 10,0000    |         |
| 92  | Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 100mm                       | cái    | 11,0000    |         |
| 93  | Mua măng sông mỗi nối D32                                                                | cái    | 2,0000     |         |
| 94  | Mua măng sông mỗi nối D25                                                                | cái    | 4,0000     |         |
| 95  | Mua măng sông mỗi nối D20                                                                | cái    | 4,0000     |         |
| 96  | Mua đai Inox D20                                                                         | cái    | 25,0000    |         |
| 97  | Mua đai Inox D25                                                                         | cái    | 10,0000    |         |
| 98  | Mua đai Inox D32:                                                                        | cái    | 10,0000    |         |
| 99  | Lắp đặt đèn trên gương                                                                   | bộ     | 4,0000     |         |
| 100 | Lắp đặt đèn vuông trên tường                                                             | bộ     | 8,0000     |         |
| 101 | Lắp đặt công tắc 1 hạt                                                                   | cái    | 2,0000     |         |
| 102 | Lắp đặt công tắc 2 hạt                                                                   | cái    | 2,0000     |         |
| 103 | Lắp đặt dây đơn $\leq 2,5\text{mm}^2$                                                    | m      | 90,0000    |         |

| STT | Tên công việc                                                                                                         | Đơn vị            | Khối lượng | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|---------|
| 104 | Lắp đặt dây đơn $\leq 2,5\text{mm}^2$                                                                                 | m                 | 120,0000   |         |
| 105 | Lắp đặt tủ điện điều khiển chiếu sáng, chiều cao lắp đặt $< 2\text{m}$                                                | 1 tủ              | 1,0000     |         |
| 106 | Lắp đặt các Aptomat 1 pha $\leq 50\text{A}$                                                                           | cái               | 2,0000     |         |
| 107 | Lắp đặt thùng đun nước nóng thường 30L                                                                                | bộ                | 4,0000     |         |
| 108 | Hút bể phốt, dọn dẹp vệ sinh bể hiện trạng                                                                            | Bể                | 1,0000     |         |
| 109 | Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $\leq 250\text{cm}$ , M200, đá 4x6, XM PCB30          | m <sup>3</sup>    | 0,7040     |         |
| 110 | Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $\leq 250\text{cm}$ , M250, đá 1x2, XM PCB30              | m <sup>3</sup>    | 1,2010     |         |
| 111 | Ván khuôn móng băng, móng bè, bệ máy                                                                                  | 100m <sup>2</sup> | 0,0518     |         |
| 112 | Lắp dựng cốt thép móng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$                                                                  | tấn               | 0,0109     |         |
| 113 | Lắp dựng cốt thép móng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$                                                                  | tấn               | 0,1968     |         |
| 114 | Xây bể chứa bằng gạch đất sét nung 6,5x10,5x22cm, vữa XM M75, XM PCB30                                                | m <sup>3</sup>    | 2,1319     |         |
| 115 | Bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, M250, đá 1x2, XM PCB30 - Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn | m <sup>3</sup>    | 0,4858     |         |
| 116 | Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn gỗ, nắp đan, tấm chóp                                                           | 100m <sup>2</sup> | 0,0196     |         |
| 117 | Gia công, lắp đặt cốt thép pa nen, $\text{ĐK} > 10\text{mm}$                                                          | tấn               | 0,0256     |         |
| 118 | Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn, panen bằng máy                                                                     | cái               |            |         |
| 119 | Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa XM M100, XM PCB40                                                           | m <sup>2</sup>    | 12,1426    |         |
| 120 | Bả bằng bột bả vào tường                                                                                              | m <sup>2</sup>    |            |         |
| 121 | Láng nền, sàn có đánh màu, chiều dày 2cm, vữa XM M100, XM PCB30                                                       | m <sup>2</sup>    | 3,7230     |         |
| 122 | Láng nền, sàn có đánh màu, chiều dày 2cm, vữa XM M75, XM PCB30                                                        | m <sup>2</sup>    | 9,9936     |         |
| 123 | Ngâm nước xi măng chống thấm bề                                                                                       | m <sup>2</sup>    | 18,6150    |         |
| 124 | Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM M75, XM PCB30                                                          | m <sup>2</sup>    | 12,4000    |         |
| 125 | Hút bể phốt, dọn dẹp vệ sinh bể hiện trạng                                                                            | Bể                | 1,0000     |         |
| 126 | Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $\leq 250\text{cm}$ , M200, đá 4x6, XM PCB30          | m <sup>3</sup>    | 0,7040     |         |
| 127 | Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $\leq 250\text{cm}$ , M250, đá 1x2, XM PCB30              | m <sup>3</sup>    | 1,2010     |         |
| 128 | Ván khuôn móng băng, móng bè, bệ máy                                                                                  | 100m <sup>2</sup> | 0,0518     |         |
| 129 | Lắp dựng cốt thép móng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$                                                                  | tấn               | 0,0109     |         |
| 130 | Lắp dựng cốt thép móng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$                                                                  | tấn               | 0,1968     |         |
| 131 | Xây bể chứa bằng gạch đất sét nung 6,5x10,5x22cm, vữa XM M75, XM PCB30                                                | m <sup>3</sup>    | 2,1319     |         |

| STT | Tên công việc                                                                                                         | Đơn vị | Khối lượng | Ghi chú          |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|------------------|
| 132 | Bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, M250, đá 1x2, XM PCB30 - Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn | m3     | 0,4858     |                  |
| 133 | Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn gỗ, nắp đan, tấm chớp                                                           | 100m2  | 0,0196     |                  |
| 134 | Gia công, lắp đặt cốt thép pa nen, ĐK >10mm                                                                           | tấn    | 0,0256     |                  |
| 135 | Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn, panen bằng máy                                                                     | cái    |            |                  |
| 136 | Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa XM M100, XM PCB40                                                           | m2     | 12,1426    |                  |
| 137 | Láng nền, sàn có đánh màu, chiều dày 2cm, vữa XM M100, XM PCB30                                                       | m2     | 3,7230     |                  |
| 138 | Láng nền, sàn có đánh màu, chiều dày 2cm, vữa XM M75, XM PCB30                                                        | m2     | 9,9936     |                  |
| 139 | Ngâm nước xi măng chống thấm bề                                                                                       | m2     | 18,6150    |                  |
| 140 | Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM M75, XM PCB30                                                          | m2     | 12,4000    |                  |
|     | <b>III. NHÀ ĐÓNG BAO 1 VÀ ĐÓNG BAO 2</b>                                                                              |        |            |                  |
| 141 | Tháo dỡ cửa bằng thủ công                                                                                             | m2     | 9,8400     |                  |
| 142 | Tháo dỡ vách ngăn ván sàn                                                                                             | m2     | 27,2000    |                  |
| 143 | Tháo dỡ chậu rửa                                                                                                      | bộ     | 4,0000     |                  |
| 144 | Tháo dỡ bể xi                                                                                                         | bộ     | 5,0000     |                  |
| 145 | Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác                                                                                         | bộ     | 10,0000    |                  |
| 146 | Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gốm các loại                                                                            | m2     | 56,9875    |                  |
| 147 | Lát nền, sàn - Tiết diện gạch $\leq 0,36m^2$ , vữa XM M75, XM PCB30                                                   | m2     | 56,9875    |                  |
| 148 | Sản xuất cửa đi 2 cánh, kính an toàn 2 lớp dày 6,38 ly (cửa nhôm hệ Xingfa, hệ 55)                                    | m2     | 5,2800     |                  |
| 149 | Sản xuất cửa sổ một, hai cánh mở quay kính an toàn 2 lớp dày 6,38 ly (cửa nhôm hệ Xingfa, hệ 55)                      | 1m     | 3,8400     |                  |
| 150 | Lắp đặt xi xôm CAESAR                                                                                                 | bộ     | 4,0000     | Hoặc tương đương |
| 151 | Lắp đặt chậu tiểu nam inox                                                                                            | bộ     | 1,0000     |                  |
| 152 | Lắp đặt chậu rửa 1 vòi VIGLACERA                                                                                      | bộ     | 4,0000     | Hoặc tương đương |
| 153 | Lắp đặt gương soi VIGLACERA                                                                                           | cái    | 4,0000     | Hoặc tương đương |
| 154 | Lắp đặt vòi rửa 1 vòi VIGLACERA                                                                                       | bộ     | 4,0000     | Hoặc tương đương |
| 155 | Lắp đặt vòi rửa vệ sinh                                                                                               | cái    | 4,0000     |                  |
| 156 | Lắp đặt phễu thu Lavabo - Đường kính 100mm                                                                            | cái    | 4,0000     |                  |
| 157 | Lắp đặt đèn ống dài 1,2m, hộp đèn 2 bóng                                                                              | bộ     | 11,0000    |                  |
| 158 | Lắp đặt công tắc 2 hạt                                                                                                | cái    | 4,0000     |                  |
| 159 | Lắp đặt quạt thông gió trên tường                                                                                     | cái    | 3,0000     |                  |

| STT                      | Tên công việc                                                                                    | Đơn vị | Khối lượng | Ghi chú          |
|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|------------------|
| 160                      | Lắp đặt thùng đun nước nóng 30L                                                                  | bộ     | 3,0000     | Hoặc tương đương |
| 161                      | Tháo dỡ cửa bằng thủ công                                                                        | m2     | 7,2000     |                  |
| 162                      | Tháo dỡ chậu rửa                                                                                 | bộ     | 4,0000     |                  |
| 163                      | Tháo dỡ bệ xí                                                                                    | bộ     | 5,0000     |                  |
| 164                      | Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác                                                                    | bộ     | 10,0000    |                  |
| 165                      | Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gốm các loại                                                       | m2     | 50,8300    |                  |
| 166                      | Lát nền, sàn - Tiết diện gạch $\leq 0,36m^2$ , vữa XM M75, XM PCB30                              | m2     | 50,8300    |                  |
| 167                      | Sản xuất cửa đi 2 cánh, kính an toàn 2 lớp dày 6,38 ly (cửa nhôm hệ Xingfa, hệ 55)               | m2     | 5,2800     |                  |
| 168                      | Sản xuất cửa sổ một, hai cánh mở quay kính an toàn 2 lớp dày 6,38 ly (cửa nhôm hệ Xingfa, hệ 55) | 1m     | 3,8400     |                  |
| 169                      | Lắp đặt xí xôm CAESAR                                                                            | bộ     | 5,0000     | Hoặc tương đương |
| 170                      | Lắp đặt chậu tiểu nam inox                                                                       | bộ     | 1,0000     |                  |
| 171                      | Lắp đặt chậu rửa 1 vòi VIGLACERA                                                                 | bộ     | 4,0000     | Hoặc tương đương |
| 172                      | Lắp đặt gương soi VIGLACERA                                                                      | cái    | 4,0000     | Hoặc tương đương |
| 173                      | Lắp đặt vòi rửa 1 vòi VIGLACERA                                                                  | bộ     | 4,0000     | Hoặc tương đương |
| 174                      | Lắp đặt vòi rửa vệ sinh                                                                          | cái    | 5,0000     |                  |
| 175                      | Lắp đặt phễu thu Lavabo - Đường kính 100mm                                                       | cái    | 4,0000     |                  |
| 176                      | Lắp đặt đèn ống dài 1,2m, hộp đèn 2 bóng                                                         | bộ     | 6,0000     |                  |
| 177                      | Lắp đặt công tắc 2 hạt                                                                           | cái    | 4,0000     |                  |
| 178                      | Lắp đặt quạt thông gió trên tường                                                                | cái    | 2,0000     |                  |
| <b>IV. XUỐNG XI MĂNG</b> |                                                                                                  |        |            |                  |
| 179                      | Tháo dỡ vách ngăn tường gỗ                                                                       | m2     | 28,0000    |                  |
| 180                      | Tháo dỡ chậu rửa                                                                                 | bộ     | 4,0000     |                  |
| 181                      | Tháo dỡ bệ xí                                                                                    | bộ     | 4,0000     |                  |
| 182                      | Tháo dỡ chậu tiểu                                                                                | bộ     | 4,0000     |                  |
| 183                      | Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác                                                                    | bộ     | 12,0000    |                  |
| 184                      | Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gốm các loại                                                       | m2     | 61,3200    |                  |
| 185                      | Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ                                                                 | m2     | 69,3440    |                  |
| 186                      | Chống thấm sàn SIKA hai thành phần chuyên dụng cho nhà vệ sinh                                   | m2     | 30,6600    |                  |
| 187                      | Láng nền, sàn có đánh màu, chiều dày 2cm, vữa XM M75, XM PCB30                                   | m2     | 67,7628    |                  |
| 188                      | Lát nền, sàn - Tiết diện gạch $\leq 0,36m^2$ , vữa XM M75, XM PCB30                              | m2     | 61,3200    |                  |
| 189                      | Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,16m^2$ , vữa XM M75, XM PCB40       | m2     | 69,3440    |                  |
| 190                      | Lắp đặt chậu tiểu nam INAX màu trắng                                                             | bộ     | 4,0000     | Hoặc tương đương |

| STT | Tên công việc                                                                            | Đơn vị | Khối lượng | Ghi chú          |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|------------------|
| 191 | Lắp đặt chậu rửa 1 vòi VIGLACERA                                                         | bộ     | 4,0000     | Hoặc tương đương |
| 192 | Lắp đặt gương soi VIGLACERA                                                              | cái    | 4,0000     | Hoặc tương đương |
| 193 | Lắp đặt vòi rửa 1 vòi VIGLACERA                                                          | bộ     | 4,0000     | Hoặc tương đương |
| 194 | Lắp đặt vòi rửa vệ sinh                                                                  | cái    | 4,0000     |                  |
| 195 | Vòi tắm hoa sen 1 vòi 1 hoa sen INAX (sen + vòi)                                         | bộ     | 4,0000     | Hoặc tương đương |
| 196 | Lắp đặt phễu thu Lavabo - Đường kính 100mm                                               | cái    | 8,0000     |                  |
| 197 | Lắp đặt ống nhựa PPR đường kính 25mm bằng phương pháp hàn, chiều dày 2,8mm               | 100m   | 0,2400     |                  |
| 198 | Lắp đặt ống nhựa PPR đường kính 40mm bằng phương pháp hàn, chiều dày 3,7mm               | 100m   | 0,2000     |                  |
| 199 | Lắp đặt côn nhựa PPR đường kính 25mm, chiều dày 2,8mm bằng phương pháp hàn               | cái    | 12,0000    |                  |
| 200 | Lắp đặt côn nhựa PPR đường kính 40mm, chiều dày 3,7mm bằng phương pháp hàn               | cái    | 10,0000    |                  |
| 201 | Lắp đặt côn nhựa PPR đường kính 25mm, chiều dày 2,8mm bằng phương pháp hàn               | cái    | 30,0000    |                  |
| 202 | vật tư phụ                                                                               |        |            |                  |
| 203 | Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 40mm  | 100m   | 0,2000     |                  |
| 204 | Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 89mm  | 100m   | 0,2000     |                  |
| 205 | Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 100mm | 100m   | 0,1000     |                  |
| 206 | Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 40mm                        | cái    | 10,0000    |                  |
| 207 | Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 89mm                        | cái    | 10,0000    |                  |
| 208 | Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 100mm                       | cái    | 8,0000     |                  |
| 209 | Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 89mm                        | cái    | 10,0000    |                  |
| 210 | Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 100mm                       | cái    | 5,0000     |                  |
| 211 | Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 89mm                        | cái    | 10,0000    |                  |
| 212 | Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 100mm                       | cái    | 11,0000    |                  |
| 213 | Mua măng sông mỗi nối D32                                                                | cái    | 8,0000     |                  |
| 214 | Mua măng sông mỗi nối D25                                                                | cái    | 10,0000    |                  |
| 215 | Mua măng sông mỗi nối D20                                                                | cái    | 5,0000     |                  |

| STT | Tên công việc                                                                                     | Đơn vị         | Khối lượng | Ghi chú          |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------|------------------|
| 216 | Mua đai Inox D20:                                                                                 | cái            | 10,0000    |                  |
| 217 | Mua đai Inox D25:                                                                                 | cái            | 5,0000     |                  |
| 218 | Mua đai Inox D32:                                                                                 | cái            | 8,0000     |                  |
| 219 | Lắp đặt đèn trang trí nổi Đèn LED Downlight nổi trần 120/10W 6500K                                | bộ             | 8,0000     | Hoặc tương đương |
| 220 | Lắp đặt công tắc 1 hạt                                                                            | cái            | 4,0000     |                  |
| 221 | Lắp đặt công tắc 2 hạt                                                                            | cái            | 4,0000     |                  |
| 222 | Lắp đặt dây đơn $\leq 2,5\text{mm}^2$                                                             | m              | 10,0000    |                  |
| 223 | Lắp đặt dây đơn $\leq 2,5\text{mm}^2$                                                             | m              | 25,0000    |                  |
| 224 | Lắp đặt tủ điện điều khiển chiếu sáng, chiều cao lắp đặt $< 2\text{m}$                            | 1 tủ           | 2,0000     |                  |
| 225 | Lắp đặt các Aptomat 1 pha $\leq 50\text{A}$                                                       | cái            | 12,4000    |                  |
| 226 | Tháo dỡ vách ngăn tường gỗ                                                                        | m <sup>2</sup> | 22,0000    |                  |
| 227 | Tháo dỡ chậu rửa                                                                                  | bộ             | 1,0000     |                  |
| 228 | Tháo dỡ bệ xí                                                                                     | bộ             | 4,0000     |                  |
| 229 | Tháo dỡ chậu tiểu                                                                                 | bộ             | 3,0000     |                  |
| 230 | Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác                                                                     | bộ             | 8,0000     |                  |
| 231 | Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gốm các loại                                                        | m <sup>2</sup> | 53,6625    |                  |
| 232 | Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ                                                                  | m <sup>2</sup> | 74,7250    |                  |
| 233 | Lát nền, sàn - Tiết diện gạch $\leq 0,36\text{m}^2$ , vữa XM M75, XM PCB30                        | m <sup>2</sup> | 53,6625    |                  |
| 234 | Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,16\text{m}^2$ , vữa XM M75, XM PCB40 | m <sup>2</sup> | 127,0890   |                  |
| 235 | Lắp đặt chậu rửa 1 vòi VIGLACERA                                                                  | bộ             | 1,0000     | Hoặc tương đương |
| 236 | Lắp đặt gương soi VIGLACERA                                                                       | cái            | 3,0000     | Hoặc tương đương |
| 237 | Lắp đặt vòi rửa 1 vòi VIGLACERA                                                                   | bộ             | 1,0000     | Hoặc tương đương |
| 238 | Lắp đặt vòi rửa vệ sinh                                                                           | cái            | 2,0000     |                  |
| 239 | Lắp đặt 1 vòi tắm, 1 hương sen INAX (sen + vòi)                                                   | bộ             | 4,0000     | Hoặc tương đương |
| 240 | Lắp đặt phễu thu Lavabo - Đường kính 100mm                                                        | cái            | 4,0000     |                  |
| 241 | Lắp đặt ống nhựa PPR đường kính 25mm bằng phương pháp hàn, chiều dày 2,8mm                        | 100m           | 0,1000     |                  |
| 242 | Lắp đặt ống nhựa PPR đường kính 40mm bằng phương pháp hàn, chiều dày 3,7mm                        | 100m           | 0,1500     |                  |
| 243 | Lắp đặt côn nhựa PPR đường kính 25mm, chiều dày 2,8mm bằng phương pháp hàn                        | cái            | 5,0000     |                  |
| 244 | Lắp đặt côn nhựa PPR đường kính 40mm, chiều dày 3,7mm bằng phương pháp hàn                        | cái            | 6,0000     |                  |
| 245 | Lắp đặt côn nhựa PPR đường kính 25mm, chiều dày 2,8mm bằng phương pháp hàn                        | cái            | 20,0000    |                  |
| 246 | Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 40mm           | 100m           | 0,2000     |                  |

| STT                     | Tên công việc                                                                              | Đơn vị | Khối lượng | Ghi chú          |
|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|------------------|
| 247                     | Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 89mm    | 100m   | 0,1500     |                  |
| 248                     | Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 100mm   | 100m   | 40,0000    |                  |
| 249                     | Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 40mm                          | cái    | 10,0000    |                  |
| 250                     | Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 89mm                          | cái    | 10,0000    |                  |
| 251                     | Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 100mm                         | cái    | 8,0000     |                  |
| 252                     | Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 89mm                          | cái    | 20,0000    |                  |
| 253                     | Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 100mm                         | cái    | 5,0000     |                  |
| 254                     | Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 89mm                          | cái    | 10,0000    |                  |
| 255                     | Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 100mm                         | cái    | 11,0000    |                  |
| 256                     | Mua Măng sông mỗi nối D32                                                                  | cái    | 10,0000    |                  |
| 257                     | Mua Măng sông mỗi nối D25                                                                  | cái    | 15,0000    |                  |
| 258                     | Mua Măng sông mỗi nối D20                                                                  | cái    | 13,0000    |                  |
| 259                     | Mua Đai Inox D20:                                                                          | cái    | 4,0000     |                  |
| 260                     | Mua Đai Inox D25:                                                                          | cái    | 6,0000     |                  |
| 261                     | Mua Đai Inox D32:                                                                          | cái    | 5,0000     |                  |
| <b>V. XUỐNG CLINKER</b> |                                                                                            |        |            |                  |
| 262                     | Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gốm các loại                                                 | m2     | 5,9400     |                  |
| 263                     | Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ                                                           | m2     | 19,6000    |                  |
| 264                     | Lát nền, sàn - Tiết diện gạch $\leq 0,36m^2$ , vữa XM M75, XM PCB30                        | m2     | 5,9400     |                  |
| 265                     | Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,16m^2$ , vữa XM M75, XM PCB40 | m2     | 19,6000    |                  |
| 266                     | Mua Phụ kiện nắp xi bệt VIGLACERA                                                          | bộ     | 3,0000     | Hoặc tương đương |
| 267                     | Lắp đặt chậu rửa 1 vòi VIGLACERA                                                           | bộ     | 1,0000     | Hoặc tương đương |
| 268                     | Lắp đặt vòi rửa 1 vòi VIGLACERA                                                            | bộ     | 1,0000     | Hoặc tương đương |
| 269                     | Lắp dựng cửa khung sắt, khung nhôm                                                         | m2     | 2,9700     |                  |
| 270                     | Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gốm các loại                                                 | m2     | 48,7600    |                  |
| 271                     | Lát nền, sàn - Tiết diện gạch $\leq 0,36m^2$ , vữa XM M75, XM PCB30                        | m2     | 48,7600    |                  |
| 272                     | Lắp đặt 1 vòi tắm, 1 hương sen VIGLACERA                                                   | bộ     | 347,0000   | Hoặc tương đương |
| 273                     | Hút bể phốt, dọn dẹp vệ sinh bể hiện trạng                                                 | Bể     | 1,0000     |                  |

| STT                        | Tên công việc                                                                                                         | Đơn vị | Khối lượng | Ghi chú          |
|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|------------------|
| 274                        | Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $\leq 250\text{cm}$ , M200, đá 4x6, XM PCB30          | m3     | 0,7040     |                  |
| 275                        | Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $\leq 250\text{cm}$ , M250, đá 1x2, XM PCB30              | m3     | 1,2010     |                  |
| 276                        | Ván khuôn móng bằng, móng bè, bệ máy                                                                                  | 100m2  | 0,0518     |                  |
| 277                        | Lắp dựng cốt thép móng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$                                                                  | tấn    | 0,0109     |                  |
| 278                        | Lắp dựng cốt thép móng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$                                                                  | tấn    | 0,1968     |                  |
| 279                        | Xây bể chứa bằng gạch đất sét nung 6,5x10,5x22cm, vữa XM M75, XM PCB30                                                | m3     | 2,1319     |                  |
| 280                        | Bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, M250, đá 1x2, XM PCB30 - Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn | m3     | 0,4858     |                  |
| 281                        | Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn gỗ, nắp đan, tấm chóp                                                           | 100m2  | 0,0196     |                  |
| 282                        | Gia công, lắp đặt cốt thép pa nen, $\text{ĐK} > 10\text{mm}$                                                          | tấn    | 0,0256     |                  |
| 283                        | Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn, panen bằng máy                                                                     | cái    |            |                  |
| 284                        | Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa XM M100, XM PCB40                                                           | m2     | 12,1426    |                  |
| 285                        | Bả bằng bột bả vào tường                                                                                              | m2     |            |                  |
| 286                        | Láng nền, sàn có đánh màu, chiều dày 2cm, vữa XM M100, XM PCB30                                                       | m2     | 3,7230     |                  |
| 287                        | Láng nền, sàn có đánh màu, chiều dày 2cm, vữa XM M75, XM PCB30                                                        | m2     | 9,9936     |                  |
| 288                        | Ngâm nước xi măng chống thấm bề                                                                                       | m2     | 18,6150    |                  |
| 289                        | Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM M75, XM PCB30                                                          | m2     | 12,4000    |                  |
| <b>VI. XUỐNG KHAI THÁC</b> |                                                                                                                       |        |            |                  |
| 290                        | Tháo dỡ trần, thủ công                                                                                                | m2     | 28,0000    |                  |
| 291                        | Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gồm các loại                                                                            | m2     | 67,5000    |                  |
| 292                        | Thi công trần bằng tấm nhựa khung xương                                                                               | m2     | 28,0000    |                  |
| 293                        | Lát nền, sàn - Tiết diện gạch $\leq 0,36\text{m}^2$ , vữa XM M75, XM PCB30                                            | m2     | 67,5000    |                  |
| 294                        | Lắp đặt 1 vòi tắm, 1 hương sen INAX (sen + vòi)                                                                       | bộ     | 1,0000     |                  |
| 295                        | Lắp đặt đèn ống dài 0,6m, hộp đèn 2 bóng                                                                              | bộ     | 1,0000     |                  |
| 296                        | Chống thấm sàn SIKA hai thành phần chuyên dụng cho nhà vệ sinh                                                        | m2     | 53,4000    |                  |
| 297                        | Tháo dỡ chậu rửa                                                                                                      | bộ     | 1,0000     |                  |
| 298                        | Tháo dỡ bệ xí                                                                                                         | bộ     | 3,0000     |                  |
| 299                        | Mua Phụ kiện nắp xí bệt VIGLACERA                                                                                     | bộ     | 3,0000     | Hoặc tương đương |
| 300                        | Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gồm các loại                                                                            | m2     | 42,6000    |                  |
| 301                        | Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ                                                                                      | m2     | 9,3600     |                  |

| STT                            | Tên công việc                                                                              | Đơn vị | Khối lượng | Ghi chú          |
|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|------------------|
| 302                            | Lát nền, sàn - Tiết diện gạch $\leq 0,36m^2$ , vữa XM M75, XM PCB30                        | m2     | 42,6000    |                  |
| 303                            | Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,16m^2$ , vữa XM M75, XM PCB40 | m2     | 9,3600     |                  |
| 304                            | Lắp dựng cửa khung sắt, khung nhôm                                                         | m2     | 1,2600     |                  |
| <b>VII. XƯỞNG BỘT LIỆU</b>     |                                                                                            |        |            |                  |
| 305                            | Tháo dỡ chậu rửa                                                                           | bộ     | 1,0000     |                  |
| 306                            | Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác                                                              | bộ     | 3,0000     |                  |
| 307                            | Tháo dỡ trần, thù công                                                                     | m2     | 22,4100    |                  |
| 308                            | Lắp đặt chậu rửa 1 vòi VIGLACERA                                                           | bộ     | 1,0000     | Hoặc tương đương |
| 309                            | Lắp đặt gương soi VIGLACERA                                                                | cái    | 1,0000     | Hoặc tương đương |
| 310                            | Lắp đặt vòi rửa 1 vòi VIGLACERA                                                            | bộ     | 1,0000     | Hoặc tương đương |
| 311                            | Lắp đặt 1 vòi tắm, 1 hương sen INAX (sen + vòi)                                            | bộ     | 1,0000     | Hoặc tương đương |
| 312                            | Lắp đặt phễu thu Lavabo - Đường kính 100mm                                                 | cái    | 4,0000     |                  |
| 313                            | Lắp đặt thùng đun nước nóng thường 30L                                                     | bộ     | 1,0000     | Hoặc tương đương |
| <b>VIII. XƯỞNG NGUYÊN LIỆU</b> |                                                                                            |        |            |                  |
| 314                            | Tháo dỡ chậu rửa                                                                           | bộ     | 2,0000     |                  |
| 315                            | Tháo dỡ bệ xí                                                                              | bộ     | 1,0000     |                  |
| 316                            | Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác                                                              | bộ     | 2,0000     |                  |
| 317                            | Lắp đặt chậu rửa 1 vòi VIGLACERA                                                           | bộ     | 2,0000     | Hoặc tương đương |
| 318                            | Lắp đặt vòi rửa 1 vòi VIGLACERA                                                            | bộ     | 1,0000     | Hoặc tương đương |
| 319                            | Lắp đặt 1 vòi tắm, 1 hương sen INAX (sen + vòi)                                            | bộ     | 1,0000     | Hoặc tương đương |
| 320                            | Lắp đặt gương soi VIGLACERA                                                                | cái    | 1,0000     | Hoặc tương đương |
| 321                            | Lắp đặt thùng đun nước nóng thường 30L                                                     | bộ     | 1,0000     | Hoặc tương đương |
| 322                            | Mua Phụ kiện nắp xí bệt VIGLACERA                                                          | bộ     | 1,0000     | Hoặc tương đương |
| <b>IX. PHÒNG VẬT TƯ</b>        |                                                                                            |        |            |                  |
| 323                            | Tháo dỡ bệ xí                                                                              | bộ     | 1,0000     |                  |
| 324                            | Tháo dỡ chậu rửa                                                                           | bộ     | 1,0000     |                  |
| 325                            | Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác                                                              | bộ     | 2,0000     |                  |
| 326                            | Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gốm các loại                                                 | m2     | 13,4500    |                  |
| 327                            | Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ                                                           | m2     | 35,5600    |                  |
| 328                            | Lắp đặt xí bệt VIGLACERA Bệt kết rời, nắp thường + chậu                                    | bộ     | 1,0000     | Hoặc tương đương |
| 329                            | Lắp đặt vòi rửa 1 vòi VIGLACERA                                                            | bộ     | 1,0000     | Hoặc tương đương |

| STT                      | Tên công việc                                                                                              | Đơn vị | Khối lượng | Ghi chú          |
|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|------------------|
| 330                      | Lắp đặt chậu rửa 1 vòi VIGLACERA                                                                           | bộ     | 1,0000     | Hoặc tương đương |
| 331                      | Lát nền, sàn - Tiết diện gạch $\leq 0,36m^2$ , vữa XM M75, XM PCB30                                        | m2     | 13,4500    |                  |
| 332                      | Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,16m^2$ , vữa XM M75, XM PCB40                 | m2     | 35,6000    |                  |
| 333                      | Hút bể phốt, dọn dẹp vệ sinh bể phốt hiện trạng                                                            | Bể     | 1,0000     |                  |
| 334                      | Tháo dỡ bệ xí                                                                                              | bộ     | 1,0000     |                  |
| 335                      | Tháo dỡ chậu rửa                                                                                           | bộ     | 1,0000     |                  |
| 336                      | Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gồm các loại                                                                 | m2     | 9,0000     |                  |
| 337                      | Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ                                                                           | m2     | 27,2000    |                  |
| 338                      | Lát nền, sàn - Tiết diện gạch $\leq 0,36m^2$ , vữa XM M75, XM PCB30                                        | m2     | 9,0000     |                  |
| 339                      | Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,16m^2$ , vữa XM M75, XM PCB40                 | m2     | 27,2000    |                  |
| 340                      | Lắp đặt xí bệt VIGLACERA Bệt kết rời, nắp thường VT18M, VT34 (PK 2 nhấn, nắp V1102) + chậu VTL2/VTL3/VTL3N | bộ     | 1,0000     | Hoặc tương đương |
| 341                      | Lắp đặt chậu rửa 1 vòi VIGLACERA                                                                           | bộ     | 2,0000     | Hoặc tương đương |
| 342                      | Lắp đặt 1 vòi tắm, 1 hương sen INAX (sen + vòi)                                                            | bộ     | 1,0000     | Hoặc tương đương |
| 343                      | Tháo dỡ trần, thủ công                                                                                     | m2     | 11,6400    |                  |
| 344                      | Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gồm các loại                                                                 | m2     | 11,6400    |                  |
| 345                      | Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ                                                                           | m2     | 41,2000    |                  |
| 346                      | Tháo dỡ vách ngăn tường gỗ                                                                                 | m2     | 7,0000     |                  |
| 347                      | Thi công trần phẳng bằng tấm nhựa                                                                          | m2     | 11,6400    |                  |
| 348                      | Thi công lắp dựng vách ngăn COMPACT HPL                                                                    | m2     | 7,0000     |                  |
| 349                      | Lát nền, sàn - Tiết diện gạch $\leq 0,36m^2$ , vữa XM M75, XM PCB30                                        | m2     | 11,6400    |                  |
| 350                      | Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,16m^2$ , vữa XM M75, XM PCB40                 | m2     |            |                  |
| <b>X. XƯỞNG SỬA CHỮA</b> |                                                                                                            |        |            |                  |
| 351                      | Tháo dỡ bệ xí                                                                                              | bộ     | 1,0000     |                  |
| 352                      | Tháo dỡ chậu rửa                                                                                           | bộ     | 1,0000     |                  |
| 353                      | Tháo dỡ chậu tiểu                                                                                          | bộ     | 1,0000     |                  |
| 354                      | Lắp đặt xí bệt VIGLACERA Bệt kết rời, nắp thường (PK 2 nhấn, nắp V1102) + chậu                             | bộ     | 1,0000     | Hoặc tương đương |
| 355                      | Lắp đặt chậu rửa 1 vòi VIGLACERA                                                                           | bộ     | 2,0000     | Hoặc tương đương |
| 356                      | Lắp đặt chậu tiểu nam INAX màu trắng                                                                       | bộ     | 1,0000     | Hoặc tương đương |
| 357                      | Tháo dỡ bệ xí                                                                                              | bộ     | 3,0000     |                  |
| 358                      | Tháo dỡ chậu rửa                                                                                           | bộ     | 3,0000     |                  |
| 359                      | Tháo dỡ chậu tiểu                                                                                          | bộ     | 3,0000     |                  |

| STT | Tên công việc                                                                                                         | Đơn vị | Khối lượng | Ghi chú          |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|------------------|
| 360 | Lắp đặt xi bết VIGLACERA Bê tông kết rời, nắp thường (PK 2 nhẵn, nắp V1102) + chậu                                    | bộ     | 3,0000     | Hoặc tương đương |
| 361 | Lắp đặt chậu rửa 1 vòi VIGLACERA                                                                                      | bộ     | 6,0000     | Hoặc tương đương |
| 362 | Lắp đặt chậu tiểu nam INAX màu trắng                                                                                  | bộ     | 3,0000     | Hoặc tương đương |
| 363 | Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gồm các loại                                                                            | m2     | 38,6000    |                  |
| 364 | Lát nền, sàn - Tiết diện gạch $\leq 0,36m^2$ , vữa XM M75, XM PCB30                                                   | m2     | 38,6000    |                  |
| 365 | Hút bể phốt, dọn dẹp vệ sinh bể hiện trạng                                                                            | Bể     | 1,0000     |                  |
| 366 | Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $\leq 250cm$ , M200, đá 4x6, XM PCB30                 | m3     | 0,7040     |                  |
| 367 | Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $\leq 250cm$ , M250, đá 1x2, XM PCB30                     | m3     | 1,2010     |                  |
| 368 | Ván khuôn móng bằng, móng bê, bệ máy                                                                                  | 100m2  | 0,0518     |                  |
| 369 | Lắp dựng cốt thép móng, $\Phi K \leq 10mm$                                                                            | tấn    | 0,0109     |                  |
| 370 | Lắp dựng cốt thép móng, $\Phi K \leq 18mm$                                                                            | tấn    | 0,1968     |                  |
| 371 | Xây bể chứa bằng gạch đất sét nung 6,5x10,5x22cm, vữa XM M75, XM PCB30                                                | m3     | 2,1319     |                  |
| 372 | Bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, M250, đá 1x2, XM PCB30 - Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn | m3     | 0,4858     |                  |
| 373 | Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn gỗ, nắp đan, tấm chóp                                                           | 100m2  | 0,0196     |                  |
| 374 | Gia công, lắp đặt cốt thép pa nen, $\Phi K > 10mm$                                                                    | tấn    | 0,0256     |                  |
| 375 | Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn, panen bằng máy                                                                     | cái    |            |                  |
| 376 | Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa XM M100, XM PCB40                                                           | m2     | 12,1426    |                  |
| 377 | Bả bằng bột bả vào tường                                                                                              | m2     |            |                  |
| 378 | Láng nền, sàn có đánh màu, chiều dày 2cm, vữa XM M100, XM PCB30                                                       | m2     | 3,7230     |                  |
| 379 | Láng nền, sàn có đánh màu, chiều dày 2cm, vữa XM M75, XM PCB30                                                        | m2     | 9,9936     |                  |
| 380 | Ngâm nước xi măng chống thấm bề                                                                                       | m2     | 18,6150    |                  |
| 381 | Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM M75, XM PCB30                                                          | m2     | 12,4000    |                  |
| 382 | Hút bể phốt, dọn dẹp vệ sinh bể hiện trạng                                                                            | Bể     | 1,0000     |                  |
| 383 | Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $\leq 250cm$ , M200, đá 4x6, XM PCB30                 | m3     | 0,7040     |                  |
| 384 | Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $\leq 250cm$ , M250, đá 1x2, XM PCB30                     | m3     | 1,2010     |                  |
| 385 | Ván khuôn móng bằng, móng bê, bệ máy                                                                                  | 100m2  | 0,0518     |                  |

| STT                           | Tên công việc                                                                                                         | Đơn vị | Khối lượng | Ghi chú          |
|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|------------------|
| 386                           | Lắp dựng cốt thép móng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$                                                                  | tấn    | 0,0109     |                  |
| 387                           | Lắp dựng cốt thép móng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$                                                                  | tấn    | 0,1968     |                  |
| 388                           | Xây bể chứa bằng gạch đất sét nung 6,5x10,5x22cm, vữa XM M75, XM PCB30                                                | m3     | 2,1319     |                  |
| 389                           | Bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, M250, đá 1x2, XM PCB30 - Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn | m3     | 0,4858     |                  |
| 390                           | Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn gỗ, nắp đan, tấm chóp                                                           | 100m2  | 0,0196     |                  |
| 391                           | Gia công, lắp đặt cốt thép pa nen, $\text{ĐK} > 10\text{mm}$                                                          | tấn    | 0,0256     |                  |
| 392                           | Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn, panen bằng máy                                                                     | cái    |            |                  |
| 393                           | Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa XM M100, XM PCB40                                                           | m2     | 12,1426    |                  |
| 394                           | Bả bằng bột bả vào tường                                                                                              | m2     |            |                  |
| 395                           | Láng nền, sàn có đánh màu, chiều dày 2cm, vữa XM M100, XM PCB30                                                       | m2     | 3,7230     |                  |
| 396                           | Láng nền, sàn có đánh màu, chiều dày 2cm, vữa XM M75, XM PCB30                                                        | m2     | 9,9936     |                  |
| 397                           | Ngâm nước xi măng chống thấm bề                                                                                       | m2     | 18,6150    |                  |
| 398                           | Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM M75, XM PCB30                                                          | m2     | 12,4000    |                  |
| <b>XI. TRUNG TÂM TIÊU THỤ</b> |                                                                                                                       |        |            |                  |
| 399                           | Tháo dỡ bệ xí                                                                                                         | bộ     | 3,0000     |                  |
| 400                           | Tháo dỡ chậu rửa                                                                                                      | bộ     | 2,0000     |                  |
| 401                           | Tháo dỡ chậu tiểu                                                                                                     | bộ     | 3,0000     |                  |
| 402                           | Lắp đặt xí bột VIGLACERA Bệt kết rời, nắp thường (PK 2 nhân, nắp) + chậu                                              | bộ     | 3,0000     | Hoặc tương đương |
| 403                           | Lắp đặt chậu rửa 1 vòi VIGLACERA                                                                                      | bộ     | 4,0000     | Hoặc tương đương |
| 404                           | Lắp đặt chậu tiểu nam INAX màu trắng                                                                                  | bộ     | 3,0000     | Hoặc tương đương |
| 405                           | Lắp đặt thùng đun nước nóng thường 30L                                                                                | bộ     | 2,0000     | Hoặc tương đương |
| 406                           | Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gồm các loại                                                                            | m2     | 3,7500     |                  |
| 407                           | Lát nền, sàn - Tiết diện gạch $\leq 0,36\text{m}^2$ , vữa XM M75, XM PCB30                                            | m2     | 3,7500     |                  |
| 408                           | Lắp đặt đèn âm tường 600X600                                                                                          | bộ     | 1,0000     |                  |
| 409                           | Lắp đặt chậu rửa 1 vòi INAX                                                                                           | bộ     | 1,0000     | Hoặc tương đương |
| 410                           | Tháo dỡ trần, thủ công                                                                                                | m2     | 46,6000    |                  |
| 411                           | Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gồm các loại                                                                            | m2     | 23,2000    |                  |
| 412                           | Lát nền, sàn - Tiết diện gạch $\leq 0,36\text{m}^2$ , vữa XM M75, XM PCB30                                            | m2     | 23,2000    |                  |
| 413                           | Chống thấm sàn SIKA hai thành phần chuyên dụng cho nhà vệ sinh                                                        | Bể     | 28,0600    |                  |

| STT                          | Tên công việc                                                                     | Đơn vị | Khối lượng | Ghi chú |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|---------|
| <b>CÔNG TÁC SƠN CÁC HMCT</b> |                                                                                   |        |            |         |
| 414                          | Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ | m2     | 1.023,6405 |         |
| 415                          | Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ | m2     | 675,2400   |         |

- Tiến độ: 4 tháng, kể từ ngày bàn giao mặt bằng.
- Địa điểm thực hiện: Nhà máy xi măng Bút Sơn – Tổ dân phố Thanh Sơn 3, Phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình.
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

## **2. Các yêu cầu khác:**

### **2.1. Yêu cầu về quy cách của Thư chào giá**

- Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 01 bản chụp Thư chào giá, được đóng thành quyển, đánh số trang theo thứ tự và phải có đầy đủ thông tin: Tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax của Nhà cung cấp. Ngoài bìa ghi rõ Thư chào giá gói mua sắm dịch vụ phi tư vấn: “Sửa chữa, cải tạo các công trình vệ sinh trong công ty”, đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ là “BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ”, “BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDX đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ”, “BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ”.

### **2.2. Yêu cầu của Thư chào giá.**

#### **2.2.1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà cung cấp gồm.**

Thư chào giá phải do đại diện hợp pháp của Quý nhà cung cấp ký (Hoặc người được ủy quyền có giấy ủy quyền kèm theo).

**a. Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:**

✓ Có đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh còn hiệu lực đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; Nhà cung cấp phải là doanh nghiệp cấp nhỏ hoặc siêu nhỏ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

✓ Hạch toán tài chính độc lập; nếu là đơn vị hạch toán phụ thuộc thì phải có giấy ủy quyền hợp pháp;

✓ Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

Nhà thầu nộp văn bản cam kết.

✓ Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

Nhà thầu nộp văn bản cam kết.

✓ Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

Nhà thầu nộp văn bản cam kết.

***b. Nhà cung cấp là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:***

✓ Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;

✓ Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

Nhà thầu nộp văn bản cam kết.

✓ Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

Nhà thầu nộp văn bản cam kết.

***c. Nhà cung cấp là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:***

✓ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật;

Nhà thầu nộp văn bản cam kết.

✓ Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định;

✓ Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

Nhà thầu nộp văn bản cam kết.

✓ Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

Nhà thầu nộp văn bản cam kết.

***d. Nhà cung cấp có tư cách hợp lệ quy định tại khoản a, b và c mục 2.2.1 được tham gia chào giá với tư cách độc lập hoặc liên danh.***

***2.2.2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp.***

Nhà cung cấp được đề nghị lựa chọn khi đáp ứng đủ các tiêu chí sau:

- Có giấy phép đăng ký kinh doanh phù hợp với dịch vụ cung cấp;

- Có giá trị tài sản ròng trong năm gần nhất so với thời điểm hạn cuối tiếp nhận hồ sơ chào giá của gói mua sắm phải dương, Nhà thầu nộp BCTC được cơ quan thuế chấp thuận cho năm gần nhất để chứng minh nội dung này;

- Có tối thiểu 01 hợp đồng có tính chất tương tự hoặc đã hoàn thành thi công công trình nhà ở/nhà công nghiệp có giá trị tối thiểu 3,5 tỷ đồng;

### **2.2.3. Đề xuất về tiêu chuẩn kỹ thuật.**

Căn cứ phạm vi gói thầu Nhà thầu phải nộp đề xuất kỹ thuật, trong đó phải cung cấp đề cương mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, nhân sự, lịch biểu thực hiện và các thông tin cần thiết khác theo quy định tại Thư YCCG để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc.

### **2.2.4. Đề xuất về tài chính.**

- Đơn chào giá (mẫu số 01).
- Giấy ủy quyền (nếu có) (mẫu số 2).
- Thoả thuận liên danh (nếu có) (mẫu số 3).
- Biểu giá chào (mẫu số 4).

Giá chào: Nhà cung cấp chào đơn giá theo từng nội dung công việc và tổng giá trị thực hiện của cả gói mua sắm (bao gồm tất cả các loại chi phí và thuế). Giá chào là giá thực hiện hợp đồng tại nhà máy xi măng VICEM Bút Sơn, tổ dân phố Thanh Sơn 3, phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình.

### **2.2.5. Yêu cầu về chào giá.**

- Giá chào: Là giá thực hiện toàn bộ khối lượng công việc của hợp đồng tại nhà máy xi măng VICEM Bút Sơn, tổ dân phố Thanh Sơn 3, phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình (đơn giá chi tiết đã bao gồm các loại thuế và các loại phí).

Giá chào ghi trong đơn chào giá bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói mua sắm (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của thư YCCG.

- Nhà cung cấp phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định.

- Thời gian thực hiện nêu trong đơn chào giá phải đáp ứng yêu cầu nêu trong thư YCCG.

- Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ. Không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời chào giá.

- Đồng tiền trong bản chào: Đồng tiền Việt Nam (VNĐ).

- Thanh toán bằng hình thức: Chuyển khoản, đồng tiền thanh toán là đồng Việt Nam.

- Thời gian thanh toán: Trong vòng 160 ngày kể từ ngày Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn nhận đầy đủ hồ sơ chứng từ thanh toán hợp lệ (Quy định chi tiết tại hợp đồng), hóa đơn theo quy định hiện hành.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

- Thời gian hiệu lực của hồ sơ chào giá: 30 ngày kể ngày có thời điểm nộp Hồ sơ chào giá.

- Nhà cung cấp phải cam kết nộp Bảo đảm thực hiện Hợp đồng bằng 3% giá trị Hợp đồng.

## **2.2.6. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.**

### **Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX**

\* Kiểm tra HSDX.

a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX.

b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo yêu cầu trong thư YCCĐX.

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

\* Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSDX.

HSDX của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSDX.

b) Có đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của thư YCCĐG. Đối với nhà cung cấp liên danh, đơn chào giá phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào giá theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh (mẫu số 1)

c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào giá phải đáp ứng yêu cầu nêu trong thư YCCĐG.

d) Giá chào ghi trong đơn chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ. Không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, Bên mời chào giá.

đ) Thời gian có hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu nêu trong thư YCCĐG.

e) Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo thư YCCĐG (Trong trường hợp nhà cung cấp là nhà cung cấp liên danh).

g) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định trong thư YCCĐG.

h) Nhà cung cấp có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực,

kinh nghiệm.

**Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.**

Nhà cung cấp được đề nghị lựa chọn khi đáp ứng đủ các tiêu chí sau:

- Có giấy phép đăng ký kinh doanh phù hợp với hàng hóa cung cấp;
- Có giá trị tài sản ròng trong năm gần nhất phải dương;
- Có doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm hạn cuối tiếp nhận hồ sơ chào giá của gói mua sắm đạt tối thiểu bằng 7,5 tỷ đồng;
- Có tối thiểu 01 hợp đồng có tính chất tương tự hoặc đã hoàn thành thi công công trình nhà ở/nhà công nghiệp có giá trị tối thiểu 3,5 tỷ đồng;

**Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.**

Sử dụng tiêu chí “Đạt”; “Không đạt”. HSĐX được đánh giá là “Đạt” khi các tiêu chí về kỹ thuật được đánh giá là “Đạt”.

**Mục 4. Xác định giá chào.**

Cách xác định giá chào theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào.

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1).

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2).

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).

**Mục 5: Lựa chọn nhà cung cấp.**

Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của thư mời chào giá và có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), không vượt giá gói mua sắm được đề nghị lựa chọn.

**3. Thời điểm nộp Thư chào giá:**

Đề nghị Quý nhà cung cấp nộp Thư chào giá bằng đường trực tiếp hoặc đường thư về địa chỉ sau: Ban Quản lý dự án xi măng Bút Sơn 2, Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn - Địa chỉ: Tổ dân phố Hồng Sơn, phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình. Số điện thoại: 0226.3851.323, Fax: 0226.3951.320.

Thời hạn nộp Thư chào giá từ ngày 23/9/2026 đến trước 16:30' ngày 26/9/2026.

Mở Thư chào giá: Tổ xét giá tiến hành mở công khai Thư chào giá của các nhà cung cấp vào lúc 17 giờ 00 phút ngày 26/9/2026 tại Ban Quản lý dự án xi măng Bút Sơn 2, Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn - Địa chỉ: Tổ dân phố Hồng Sơn, phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình.

**4. Đánh giá thư chào giá và thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp**

Hết thời gian quy định, Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn sẽ tổ chức đánh giá thư chào giá. Phương pháp đánh giá thư chào giá: Phương pháp giá thấp nhất.

Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào giá theo đường trực tiếp hoặc đường thư và được đăng tải trên website của Công ty hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng khác.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý nhà cung cấp. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HSMS



**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Trần Anh Tuấn**

# CÁC BIỂU MẪU KÈM THEO THƯ YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Mẫu số 01

## ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: \_\_\_\_\_ [ghi ngày tháng năm ký đơn chào giá]

Tên gói mua sắm: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói mua sắm theo Thư mời chào giá]

Kính gửi: Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá số \_\_\_\_\_ [Ghi số của văn bản của Thư mời chào giá] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_\_ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại \_\_\_\_\_ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết thực hiện gói mua sắm \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói mua sắm theo Thư mời chào giá] theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá với tổng số tiền là \_\_\_\_\_ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền chào giá, trong trường hợp gói mua sắm có nhiều phần thì ghi rõ giá trị từng phần] cùng với biểu giá kèm theo.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một thư chào giá này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Có đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh còn hiệu lực đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;
3. Hạch toán tài chính độc lập; nếu là đơn vị hạch toán phụ thuộc thì phải có giấy uỷ quyền hợp pháp;
4. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;
6. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
7. Không thực hiện hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói mua sắm này.
8. Những thông tin kê khai trong hồ sơ chào giá là trung thực.
9. Nếu Thư chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết:
  - Thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng (khi có yêu cầu) theo quy định của thư mời chào giá.
  - Có đủ kinh nghiệm, năng lực thực hiện gói mua sắm;
  - Thực hiện đúng theo yêu cầu của Thư mời chào giá và kết quả thương thảo, đàm phán.

Thư chào giá này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_\_ ngày, kể từ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_.

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**  
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

# GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của \_ [Ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại \_ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho \_ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào giá gói mua sắm \_\_\_\_ do Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn tổ chức:

[- Ký đơn chào giá;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời chào giá trong quá trình tham dự chào giá.

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] <sup>(2)</sup>

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [Ghi tên nhà cung cấp]. \_\_\_\_ [Ghi tên nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_ <sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản.

## Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

## Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu]

## Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào giá cùng với đơn chào giá. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

## THỎA THUẬN LIÊN DANH

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

Gói mua sắm: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói mua sắm]

Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói mua sắm \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói mua sắm] ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ [ghi ngày được ghi trên thư mời chào giá];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh** \_\_\_\_\_ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại, số fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_\_ ngày tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

### **Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự chào giá gói mua sắm \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói mua sắm].
2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói mua sắm này là: \_\_\_\_\_ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].
3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói mua sắm này. Trường hợp trúng chào giá, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_\_ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

### **Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói mua sắm \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói mua sắm] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho \_\_\_\_\_ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau <sup>(3)</sup>:

[- Ký đơn chào giá;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời chào giá trong quá trình tham dự chào giá;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc theo bảng dưới đây:

| STT              | Tên                               | Nội dung công việc đảm nhận              | Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào |
|------------------|-----------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 1                | Tên thành viên đứng đầu liên danh |                                          | ...%                                               |
| 2                | Tên thành viên thứ 2              |                                          | ...%                                               |
| ....             | ....                              |                                          | ...%                                               |
| <b>Tổng cộng</b> |                                   | <b>Toàn bộ công việc của gói mua sắm</b> | <b>100%</b>                                        |

### **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
  - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
  - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
  - Nhà cung cấp liên danh không trúng chào giá;
  - Hủy gói mua sắm \_\_\_\_ [Ghi tên gói mua sắm] theo thông báo của Bên mời chào giá.

Thỏa thuận liên danh được lập thành \_\_\_\_\_ bản, mỗi bên giữ \_\_\_\_ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**BIỂU CHÀO GIÁ**

| TT | Nội dung dịch vụ<br>phi tư vấn | Đvt | Số lượng | Đơn giá<br>(đồng/Đvt) | Thành<br>tiền<br>(đồng) |
|----|--------------------------------|-----|----------|-----------------------|-------------------------|
| 1  |                                |     |          |                       |                         |
|    | ...                            |     |          |                       |                         |
|    | <b>Cộng</b>                    |     |          |                       |                         |
|    | <b>Thuế GTGT .... %</b>        |     |          |                       |                         |
|    | <b>Tổng cộng</b>               |     |          |                       |                         |

Tổng giá trị gói mua sắm (bao gồm tất cả các loại chi phí và thuế) là:

Bằng chữ: .....

CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ: .....

THỜI GIAN BẢO HÀNH (nếu có): .....

ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN: .....

THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG: .....

Ghi chú:

- Nhà cung cấp phải chào tối thiểu đủ các điều kiện theo quy định của Thư yêu cầu chào giá.

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]